

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 59/2023/DS-ST

Ngày: 27/6/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông CAO ĐÌNH NHÂN.
2. Bà NGUYỄN THỊ NGỌC.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà TRỊNH THANH VÂN-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ: Ông PHẠM VĂN BẢNG- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn N**, sinh năm 1953 (Chết ngày 26/7/2022).

Địa chỉ: V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N:

+ Bà **Lưu M**, sinh năm 1956 (vợ ông N).

Địa chỉ: V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng.

+ Bà **Đỗ H**, sinh năm 1979 (con gái ông N).

Địa chỉ: P, phường Đ, quận D, tỉnh Hải Phòng.

+ Ông **Đỗ V**, sinh năm 1980 (con trai ông N).

Địa chỉ: 668/13A CMT8 K1, C, T, tỉnh Bình Dương.

+ Ông **Đỗ T**, sinh năm 1987 (con trai ông N).

Địa chỉ: Tổ DP 03, H, phường D, thành phố Hải Phòng.

Bà M, bà H, ông V, ông P ủy quyền cho ông Phạm Q, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đư, Lâm Đồng tham gia tố tụng.

- **Bị đơn: Ông Lê Văn T**, sinh năm 1945

Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Số nhà 19, đường D, tổ 24, lô 90, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Q, ông V và ông T, bà M có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****/ Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngân là ông Phạm Q trình bày:***

Ông Đỗ Văn N có cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị M vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 04/11/2020 ông T viết giấy vay tiền ông N 50.000.000đồng, hạn ngày 04/02/2020 hoàn trả. Ông T tự viết giấy và có ký xác nhận nợ.

- Ngày 07/11/2020 ông T viết giấy vay ông N 50.000.000đồng, hạn ngày 07/11/2021 hoàn trả. Ông T tự viết giấy và có ký xác nhận nợ.

- Ngày 15/11/2020 ông T tiếp tục viết giấy vay ông N 60.000.000đồng, hạn ngày 15/12/2020 hoàn trả. Ông T tự viết giấy và có ký xác nhận nợ.

- Ngày 04/01/2021 ông T và bà M có viết giấy nhận nợ là nợ ông N số tiền 300.000.000đồng. Ông T, bà M có ký xác nhận nợ, ông T là người viết giấy này. Ông T bà M hạn làm sổ đỏ xong bán đất trả nợ cho ông N. Ông T bà M chỉ hạn như vậy nhưng thực tế ông T bà M không làm sổ đỏ và không bán đất gì cả. Sau đó ông N nhiều lần yêu cầu ông T bà M trả nợ nhưng ông T bà M không trả.

Tổng cộng 04 lần ông T và bà M có vay của ông N là 460.000.000đồng. Ông Đỗ Văn N đã chết ngày 26/7/2022 theo Trích lục khai tử số 43/TLKT-BS, ông N không để lại di chúc. Bố ông N là ông Đỗ Văn T chết năm 1993, mẹ ông N là bà Trần Thị T chết năm 2012. Do ông N đã chết nhưng vợ chồng ông T bà M vẫn chưa trả số nợ trên cho ông N. Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn T, bà Lê Thị M phải có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn N số tiền nợ gốc 460.000.000đồng và lãi suất tạm tính là 196.210.000đồng và phải tiếp tục trả lãi với lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án. Số tiền này các con bà M là bà Đỗ H, ông Đỗ V, ông Đỗ P yêu cầu ông T, bà M trả cho bà M và giao toàn bộ số tiền này cho bà M được nhận.

2. Bị đơn – ông Lê Văn T trình bày:

Vào năm 2020 thực tế ông chỉ vay ông Đỗ Văn N 110.000.000đồng, cụ thể vay ngày nào ông không nhớ. Tổng cả 03 lần vay nêu trên, ông vay ông N đều lấy lãi suất 0,5%/ngày, cứ 10 ngày ông trả lãi 01 lần. Khi vay tiền của ông N thì ông tự viết và có ký vào các giấy nợ, ông N là người giữ các giấy này. Ông vẫn trả lãi đầy đủ các khoản vay nêu trên cho ông N, đến ngày 04/01/2021 thì không trả lãi nữa vì hai bên đã chốt lại số nợ 300.000.000đồng, trong đó tính cả nợ gốc và nợ lãi thành 300.000.000đồng, tính đến ngày này vợ chồng ông chỉ còn nợ lại ông N tổng cộng là 300.000.000đồng, ngoài ra vợ chồng ông không còn nợ ông N khoản nợ nào khác. Các khoản vay trước đây vợ ông không biết nhưng đến ngày 04/01/2021 thì vợ ông mới biết ông nợ ông N tiền và thống nhất ký vào giấy chốt nợ ngày 04/01/2021, giấy nhận nợ ngày 04/01/2021 là do ông (T) viết và vợ chồng ông có ký xác nhận vào giấy này. Khi chốt nợ ngày này thì hai bên thỏa thuận không tính lãi suất nữa mà chỉ trả số tiền tổng cộng 300.000.000đồng vì trong số tiền này đã tính cả lãi suất. Khi vợ chồng ông viết giấy nhận nợ này và ký xác nhận nợ thì vợ chồng ông có nói ông N trả lại 03 giấy nợ trước đây nhưng ông N nói khi tết về quê ở Hải Phòng ăn tết đã để ở ngoài quê không mang vào, vì là anh em kết nghĩa nên ông tin tưởng ông N và để ông N sau này đưa sau cũng được vì trước đây ông N sinh sống cùng với gia đình ông. Khi viết giấy nợ ngày 04/01/2021 thì ông và ông N có thỏa thuận sau khi đất ông làm được sổ thì ông N sẽ mua đất để cân trừ nợ vì đất của ông chưa có sổ đỏ, còn nếu ông N không mua đất của ông thì ông sẽ trả lại 300.000.000đồng cho ông N. Từ khi viết giấy chốt nợ ngày 04/01/2021 đến nay thì vợ chồng ông chưa trả cho ông N đồng nào.

Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N yêu cầu vợ chồng ông có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 460.000.000đồng và lãi suất tạm tính là 196.210.000đồng và phải tiếp tục trả lãi với lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án thì vợ chồng ông không đồng ý, vợ chồng ông chỉ nợ ông N tổng cộng 300.000.000đồng, nay vợ chồng ông đồng ý trả cho ông N số tiền nợ 300.000.000đồng, vợ chồng ông không đồng ý trả lãi suất vì trong số tiền 300.000.000đồng đã tính cả gốc và lãi suất, hai bên đã thống nhất không tính lãi suất từ ngày 04/01/2021 nữa.

3. Bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Ông N là người Hải Phòng vào Đức Trọng, Lâm Đồng làm ăn, có gặp chồng bà (ông T) và có quen biết thân thiết với chồng bà và sau mỗi lần ông N ở Hải Phòng vào Đức Trọng đều vào ăn ở, sinh hoạt tại nhà bà, còn nhận bà là chị kết nghĩa. Sau đó có 01 lần ông N và chồng bà có đi đòi nợ được 50.000.000đồng, ông N về có gửi cho bà giữ và nói *em còn ăn ở sinh hoạt nhà chị nên chị cứ giữ sau này trừ vào tiền chi phí sinh hoạt*. Đến ngày 04/01/2021 thì chồng bà ông T và ông N có ngồi lại tính toán cộng dồn số nợ lại thành 300.000.000đồng trong đó có khoản nợ chồng bà đã vay của ông N trước đó mà

bà không biết. Sau khi thống nhất thì chồng bà là người viết giấy nhận nợ ngày 04/01/2021 và vợ chồng bà đều thống nhất số nợ này và cùng ký vào giấy nợ này. Khi ký giấy này vợ chồng bà có yêu cầu ông N trả lại 03 giấy nợ trước đây nhưng ông N nói khi tết về quê ở Hải Phòng ăn tết đã để ở ngoài quê không mang vào, vì là chị em kết nghĩa nên bà tin tưởng ông N và để ông N sau này đưa sau cũng được.

Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền nợ gốc 460.000.000đồng và lãi suất tạm tính là 196.210.000đồng và phải tiếp tục trả lãi với lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án thì bà không đồng ý. Vợ chồng bà chỉ nợ ông N tổng cộng 300.000.000đồng, nay bà đồng ý trả cho ông N số tiền nợ 300.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Phạm Q là người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Không yêu cầu ông T bà M có nghĩa vụ trả số 160.000.000đồng nợ gốc theo các giấy nhận nợ ghi: ngày 04/11/2022 số tiền 50.000.000đồng; ngày 07/11/2020 vay 50.000.000đồng; ngày 15/11/2020 vay 60.000.000đồng. Nay ông Q chỉ yêu cầu bị đơn ông T bà M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 300.000.000đồng theo giấy nhận nợ ghi ngày 04/01/2021 và lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 04/01/2021 cho đến nay, tiền lãi tính tròn là 70.000.000đồng. Tổng cộng là 370.000.000đồng.

Tại phiên tòa ông V là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông N cũng đồng ý và thống nhất như ý kiến của ông Q nêu trên.

Bị đơn ông T có ý kiến vợ chồng ông bà đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà M vợ ông N số tiền nợ gốc 300.000.000đồng, vợ chồng ông bà không đồng ý trả 70.000.000đồng tiền lãi suất. Bà M trình bày vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho ông N 300.000.000đồng, bà không đồng ý trả 70.000.000đồng tiền lãi như nguyên đơn yêu cầu vì trước đây ông N vào ăn ở trong nhà bà hơn một năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T bà M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000đồng nợ gốc và 70.000.000đồng tiền lãi suất.

NHÂN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông N gồm bà Lưu M, bà Đỗ H, ông Đỗ V, ông Đỗ P yêu cầu vợ chồng bị đơn ông T bà M có nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000đồng và 70.000.000đồng tiền lãi. Tổng cộng là 370.000.000đồng. Hiện tại vợ chồng ông T bà M đang cư trú, sinh sống tại thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng. Theo khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Toà án thụ lý vụ án ngày 11/7/2022 đến ngày 26/7/2022 ông N chết. Vì vậy Toà án đã đưa những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông N vào tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, giữa nguyên đơn ông Đỗ Văn N, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N là bà Lưu M, bà Đỗ H, ông Đỗ V, ông Đỗ P và bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị M vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đức Trọng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên toà hôm nay ông Đỗ V và ông Phạm Q là người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông N gồm bà Lưu M, bà Đỗ H, ông Đỗ V, ông Đỗ P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Không yêu cầu ông T bà M có nghĩa vụ trả số tiền 160.000.000đồng nợ gốc theo các giấy nhận nợ ghi: Ngày 04/11/2022 số tiền 50.000.000đồng; ngày 07/11/2020 vay 50.000.000đồng; ngày 15/11/2020 vay 60.000.000đồng. Xét thấy việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T bà M có nghĩa vụ trả 300.000.000đồng nợ gốc theo giấy chót nợ ngày 04/01/2021 thì thấy rằng: Căn cứ vào giấy nhận nợ ghi ngày 04/01/2021 thể hiện vợ chồng ông T bà M có vay của ông N tổng số tiền là 300.000.000đồng, trong giấy không ghi lãi suất vay. Ông T bà M đều thừa nhận trước đó ông T có vay của ông N nhiều lần tiền sau đó hai bên tính toán lại và chót nợ, ông bà viết giấy nhận nợ này, ông bà cho rằng trong số tiền này gồm cả tiền gốc cộng với tiền lãi, nhưng ông bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh tiền gốc cụ thể bao nhiêu và tiền lãi là bao nhiêu. Tại phiên toà ông T bà M đều đồng ý có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000đồng nợ theo giấy nhận nợ ngày 04/01/2021. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông T bà M có nghĩa vụ trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn số tiền 300.000.000đồng nợ gốc là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu trả tiền lãi suất của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho phía nguyên đơn 70.000.000đồng tiền lãi suất. Bị đơn vợ chồng ông T bà M không đồng ý trả lãi suất. Ông T bà M cho rằng trong số tiền 300.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 04/01/2021 trong đó bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi suất, khi chốt nợ thì ông N và vợ chồng ông T bà M thoả thuận bằng miệng với nhau là sau này không tính lãi nữa. Ông T bà M trình bày như trên nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn về việc áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo yêu cầu của bên cho vay thì Tòa án xác định bên cho vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Tại giấy nhận nợ của vợ chồng ông T bà M không ghi lãi suất vay và thực tế từ ngày 04/01/2021 đến nay vợ chồng ông T bà M chưa có việc trả lãi suất cho ông N. Do đó cần tính lãi cụ thể như sau: $300.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm (0,83\%/tháng) \times 29 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 74.119.000\text{đồng}$. Theo quy định thì vợ chồng ông T bà M phải có nghĩa vụ trả cho ông nguyên đơn 74.119.000đồng tiền lãi suất. Tuy nhiên tại phiên toà phía nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T bà M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền lãi qua tính toán và làm tròn là 70.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này có lợi cho phía bị đơn vợ chồng ông T bà M nên cần chấp nhận. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T bà M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 70.000.000đồng tiền lãi suất là phù hợp và có căn cứ đúng quy định.

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông N gồm bà Lưu M, bà Đỗ H, ông Đỗ V, ông Đỗ P đều thống nhất giao cho bà M được nhận toàn bộ số tiền ông T bà M có trách nhiệm trả nợ cho ông N.

Đối với việc bà M cho rằng trước đây khi ông N ở ngoài Hải Phòng vào Đức Trọng làm ăn thì ông N có ăn ở sinh hoạt trong nhà bà hơn một năm. Ông N có đưa cho bà 50.000.000đồng để chi phí ăn uống nhưng sau đó thỉnh thoảng bà có đưa lại cho ông N tiền để ông N mua sắm gửi về quê. Bà phải bỏ ra một số tiền để chi phí ăn ở cho ông N. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay bà trình bày như trên nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh các khoản chi phí, không biết số tiền cụ thể cho việc ông N ăn ở sinh hoạt trong nhà bà trong thời gian hơn một năm như bà trình bày. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu sau này ông T bà M có yêu cầu khởi thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng ông T bà M đã trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn. Khi thụ lý vụ án ông N thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định, do vậy không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông N.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 264, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Đỗ Văn N gồm bà Lưu M, bà Đỗ H, ông Đỗ V, ông Đỗ P về việc yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn T, bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả số tiền 160.000.000đồng nợ gốc theo giấy nhận nợ ghi ngày 04/11/2020 số tiền 50.000.000đồng; ngày 07/11/2020 số tiền 50.000.000đồng; ngày 15/11/2020 số tiền 60.000.000đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Đỗ Văn N gồm bà Lưu M, bà Đỗ H, ông Đỗ V, ông Đỗ P.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Văn T, bà Lê Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Đỗ Văn N gồm bà Lưu M, bà Đỗ H, ông Đỗ V, ông Đỗ P số tiền 300.000.000đồng nợ gốc và 70.000.000đồng tiền lãi suất. Tổng cộng là 370.000.000đồng. Giao cho bà Lưu M được nhận số tiền 370.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn vợ chồng ông Lê Văn T, bà Lê Thị M.

Khi thụ lý vụ án ông Đỗ Văn N thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định, do vậy không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đỗ Văn N.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THA DS huyện Đ;
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG